

## THƠ TỬ THÚ TRONG HỒNG ĐỨC QUỐC ÂM THI TẬP

Trần Quang Dũng<sup>1</sup>

### TÓM TẮT

Cùng với thơ ngâm vịnh, trong “*Hồng Đức quốc âm thi tập*” còn xuất hiện lối thơ xướng họa trong không khí “*ương xướng thần tùy*”, “*đồng thanh tương ứng*”, vừa vận động theo hướng “*đồng tâm*” với văn chương nhà nho, vừa vận động theo hướng “*li tâm*” theo cảm quan thẩm mỹ của văn hóa Việt, trong đó tiêu biểu là chùm thơ “*Tử thú*”.

**Từ khóa:** Thơ “*Tử thú*”, *Hồng Đức quốc âm thi tập*

### 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

*Hồng Đức quốc âm thi tập* (HĐQÂTT) là tập thơ của trường thơ cung đình thời Hồng Đức, đứng đầu là Lê Thánh Tông; là cột “*mốc*” thứ hai (sau *Quốc âm thi tập* của Nguyễn Trãi) trong tiến trình thơ Nôm Đường luật, khẳng định sự tồn tại không thể thay thế của dòng thơ tiếng Việt bên cạnh thơ Đường luật Hán.

Xét trên phương diện nội dung, vì tập thơ của nhiều tác giả, cho nên khả năng chiếm lĩnh hiện thực cuộc sống khá đa dạng: Từ hình ảnh cuộc sống cung đình cho đến cuộc sống ở thôn quê; từ hình ảnh của “*minh quân lương tướng*”, “*hiếu tử trung thần*” cho đến hình ảnh của “*ngư tiều canh mục*” hay người phụ nữ bình dân xấu số... Trong khuôn khổ bài viết, chúng tôi chỉ tập trung tìm hiểu nhóm bài thơ về “*Tử thú*” vừa mang tính ước lệ, điển phạm của văn chương nhà nho, vừa thể hiện xu hướng dân tộc hóa thể loại của thơ Đường luật.

### 2. NỘI DUNG

*Hồng Đức quốc âm thi tập* (Nxb Văn học, 1982) hiện có 328 bài thơ và được chia làm năm phần: “*Thiên địa môn*” (59 bài), “*Nhân đạo môn*” (46 bài), “*Phong cảnh môn*” (66 bài), “*Phẩm vật môn*” (69 bài) và “*Nhàn ngâm chư phẩm*” (88 bài), trong đó chùm thơ về “*Tử thú*” (10 bài) được xếp trong mục “*Phong cảnh môn*”. Tập thơ chủ yếu được viết theo lối đề vịnh và xướng họa nhưng không phải là những sáng tác tùy hứng, cá nhân, mà là một thi xã có tuyên ngôn văn học, có in ấn tác phẩm, hướng đến những nhiệm vụ chính trị mà chế độ phong kiến đương thời quan tâm. Vì thế, tính chất quan phương, thù phụng và mục đích giáo hóa là những đặc điểm nổi bật của HĐQÂTT.

<sup>1</sup> TS. Giảng viên khoa Khoa học Xã hội, Trường Đại học Hồng Đức

## 2.1. Thơ *Tứ thú* mang tính chất ước lệ và mục đích giáo hóa của văn chương nhà nho

Theo số liệu thống kê, thơ xướng họa trong HDQATT bao gồm hai hệ thống đề tài lớn: đề tài thiên nhiên (*Tết Nguyên Đán* (4 bài); *Năm canh* (10 bài); *Bốn mùa* (16 bài); *Trăng* (11 bài); *Hoa viên cảnh* (2 bài)) và đề tài cuộc sống xã hội và con người (*Tứ thú* (16 bài); *Phu xuất* (2 bài) và *Nhất thủy* (2 bài)). Trong các cụm bài xướng họa, các bài xướng thường được đoán định là của Lê Thánh Tông. Cũng có nghĩa từ đề tài, thể cách, giọng điệu cho đến cảm xúc của thơ xướng họa HDQATT đều do sự “ra đề vận hạn” của nhà vua. Còn các bài họa của các văn thần chủ yếu là sự lặp lại theo một “sơ đồ công thức” định sẵn, tạo ra sự đồng thanh tương ứng về nhiều mặt, thể hiện những nỗi niềm chung, âm điệu chung.

Thơ *Tứ thú* có 16 bài (12 bài vịnh họa về *Tứ thú*, 1 bài về *Tứ thú tương thoại* và 3 bài vịnh về *Thuyền người đánh cá*). Thật ra, lựa chọn đề tài *Tứ thú* với các nhà thơ Hồng Đức là xuất phát từ thể giới quan Nho giáo về người bình dân, vì thể tính khuôn sáo, ước lệ và mục đích giáo hóa được thể hiện khá rõ. Những con người “bình dân” ấy, trong nhiều trường hợp được phác thảo theo những khuôn mẫu nghệ thuật có sẵn. Chẳng hạn, về *Ngư*: “Chờ thuở nguồn Đào tiên lại gặp - Cùng nhau cặn kẽ buổi đầu mom” (Bài 54); về *Tiêu*: “Trời Nghiêu, ngày Thuấn mình ăn ở - Đỉnh Thạch non Thai mặt ngược nhòm” (Bài 55); về *Canh*: “Cày Y cúi đỡ dân Thương ngóng - Lều Cát nằm lui chúa Hán nhòm” (Bài 56); về *Mục*: “Tiếng ca Nịch Thích kê tai ngóng - Khúc địch Hoàn Y nghê cổ nhòm” (Bài 57),... Với cách nhìn ấy, dễ tạo cho người đọc cảm giác: những con người bình dân ấy, lao động với họ không phải để sinh tồn mà là để thưởng ngoạn cảnh sắc trời mây, sông nước. Họ xuất hiện trong tư thế của người thưởng ngoạn, ung dung thư thái, chứ đâu phải trong công việc vất vả nhọc nhằn như chính người bình dân viết về công việc của họ: “Trên đồng cạn, dưới đồng sâu, chông cày, vợ cấy con trâu đi bừa” (Ca dao). Hình tượng thơ, cảm xúc thơ trong một số trường hợp, vì thế cũng mất đi tính “chân thực” vốn có của nó và trở trở thành những lời tán tụng về mỹ đức của “minh quân lương tướng”.

Đơn cử:

Nọ nọ Bàn Khê công nghiệp cả,  
Xuân thu lần kể tám mươi dư.

(*Vịnh người đánh cá*. Bài 59)

Hoặc:

Công A Hành đến trời biếc,  
Tiết Tử Lăng còn núi xanh.

(*Vịnh người đi cày*. Bài 61)

...

Như vậy, tính công thức, khuôn sáo gắn với mục đích giáo hóa của *Tứ thú* trong HDQATT dưới sự ảnh hưởng trực tiếp của hệ tư tưởng thời đại và quan niệm văn

chương nhà nho được thể hiện ở đề tài và nghệ thuật thể hiện của các tác gia Hồng Đức là rất rõ. Các nhà thơ, vì thế trong nhiều trường hợp mất đi những rung cảm thực, những sáng tạo nghệ thuật độc đáo: “Ý thức công thức, khuôn sáo làm cho kiểu tác giả này rất khó sử dụng các chi tiết đời sống mới và các chi tiết nghệ thuật bất ngờ” [1; tr69]. Tất nhiên cũng cần thấy: tính điển phạm, ước lệ của thơ *Từ thứ* đã giữ cho thi tập tính cô đọng, hàm súc cùng vẻ đẹp cổ điển, Đường thi, hợp với văn phong của một tác phẩm cung đình.

Mặt khác cũng cần thấy, phần lớn các bài xướng trong các chùm thơ xướng họa HĐQATT thường được đoán định là của Lê Thánh Tông, vì thế họa lại thơ vua, trong trường hợp này với các tác gia Hồng Đức, biết đâu có phần giống với dâng thơ trước đây ở đời Hán (Trung Quốc), là “phương tiện để gây chú ý, đạt được sự công nhận tài năng mình và thu được những món bổng lộc đáng kể” [1;tr 262]. Hay nữa, chính Hoàng Đế đã ra lệnh cho những người thân cận ngai ca những “điều trông thấy” về *Từ thứ* bằng thơ để mua vui cho nhà cầm quyền và giữ gìn, lưu giữ mỹ đức của “minh quân lương tướng” cho các thế hệ mai sau? Đúng hơn, với các tác gia Hồng Đức, ca tụng sự hùng mạnh của vương triều, mỹ đức của nhà vua và cuộc sống thái bình thịnh trị của muôn dân đã hoàn toàn được biện hộ về mặt nghệ thuật trên cơ sở tư tưởng của thời đại mình.

## 2.2. Thơ *Từ thứ* theo xu hướng dân tộc hóa thể loại Đường luật

Tất nhiên cũng không nên phiến diện cho rằng, các nhà thơ Hồng Đức khi họa lại thơ vua không để lại những dấu ấn nghệ thuật độc đáo. Và vì thế, thơ xướng họa *Từ thứ* chỉ là những cuộc “đùa gió cợt trăng”, tán tụng mỹ đức “minh quân lương tướng” và thuyết giáo đạo lý Nho gia. Nếu đi sâu tìm hiểu nội dung cảm xúc ở các bài thơ trong chùm thơ vịnh họa này, chúng ta thấy xuất hiện khá rõ xu hướng dân tộc hóa thể loại thơ Đường luật, thể hiện một “cái nhìn tinh tế, cách tả tinh tế, qua trí tưởng tượng dồi dào” [2; tr20].

Nói cách khác, bên cạnh những chuẩn mực định sẵn, những đề tài công thức, những quy định về thể cách, giọng điệu của lối thơ xướng họa Đường luật, thơ xướng họa *Từ thứ* trong HĐQATT còn chứng minh cho khả năng to lớn trong nghệ thuật tiếp cận hiện thực đời thường dân dã, hướng về người bình dân với công việc đồng áng, sông nước, chài lưới, câu đằm... Cụ thể hơn, bên cạnh những con người công thức, trong một số trường hợp, hình ảnh người bình dân hiện lên khá ấn tượng, giàu chất hiện thực của cuộc sống đời thường. Chẳng hạn, là hình ảnh *người kiểm cá*: “Manh áo quàng, mang lụp xụp - Quai chèo xách, đứng lom khom” (Bài xướng), “Nửa tấm áo tôi che lùn cùn - Một cần câu trúc uốn khom khom” (Bài họa); *Người hái củi*: “Có thườ xa trông vằng áo xế - Dé chân nheo nhéo đứng đầu mom” (Bài xướng), “Đầu non đã tạnh khói còn om - Mây gã tiều phu đã sớm nom” (Bài họa); *Người đi cày*: “Tấc đất, tấc vàng yêu bấy tá - Mồ hôi dòn dổi thườ đầu mom” (Bài xướng), “Có thườ nông nhàn khi việc giã - Đèo heo hóng mát ở ngoài mom” (Bài họa); *Người chẵn trâu*: “Mũi ghé lui chân đứng nhảy -

U trâu vịn cật ngồi khom” (Bài xướng), “Bạn xúm nội bằng cười khặc khặc - Trâu về ngõ hẹp cười khom khom” (Bài họa),... Đúng hơn, ở đề tài *Tứ thú* nói riêng và hệ thống đề tài văn chương nhà nho nói chung trong HĐQÂTT, các tác gia Hồng Đức đã kết hợp hài hòa giữa cảm xúc Nho giáo với nội dung dân tộc trong nghệ thuật miêu tả, thể hiện. Vì thế, có những hình ảnh ước lệ đi liền với hình ảnh của cuộc sống đời thường: “Nửa bó yên hà / mang đủng đỉnh, Đồi bên phong nguyệt / quẩy khom khom (Họa bài người hái củi); Đồi Vũ tắm mưa / tai nhấp nhấp, Nội Châu cuốc nguyệt / cật khom khom (Họa bài người đi cày); Tiếng ca Nịch Thích / kê tai ngóng, Khúc địch Hoàn Y / ngheh cổ nhòm (Họa bài người chẵn trâu),... Trong nhiều trường hợp, yếu tố hiện thực thể hiện khá đậm nét: “manh áo quàng, mang lụp xụp”, “Nửa tấm áo toi che lùn cùn”, “Mồ hôi dòn dôi thuở đầu mom”, “Tắc đất, tắc vàng yêu bấy tá”, “Trâu về ngõ hẹp”, “cười khom khom”, “cười khặc khặc”, “Dé chân nheo nhéo”, “Đèo heo hóng mát”, “Thả thả, chẵn chẵn”, “ngáp ghé nhòm”, “vịn cật ngồi khom”,...

Hoặc về *Thuyền người đánh cá*:

Mũi rách đập dềnh dăm bảy chiếc,

Chèo cùn nổi nầm một đôi đai.

(Bài 63)

Và đây nữa là cuộc hội ngộ của “*Tứ thú*” trong những ngày nông nhàn:

Đêm rượu, ngày rồi họp bốn người,

Cùng bày sở thú bảo nhau chơi.

Con trâu tở béo com người trắng,

Đon củi người nhiều cá tở tươi.

Gặp thuở thái bình người mến tở,

Chứa lòng ưu ái tở cùng người.

Cấp cầm, con Tuyết tình cờ đến,

Bỏ nón, lụi chân khặc khặc cười.

(*Tứ thú tương thoại*)

Những câu thơ đã tạo dựng cuộc hội ngộ của *Tứ thú* hiện lên thật tự nhiên mà cũng thật hồn nhiên thông qua các hình tượng nghệ thuật: “con trâu béo” - “com trắng”, “don củi nhiều”, “cá tươi”... Cũng thật khó “phân định” về thành phẩm của “người” và “tở”... Và thật bất ngờ “con Tuyết đến”, dường như mọi thứ đã được giải tỏa, mọi tập trung hướng về “con Tuyết”: con Tuyết cấp “cầm”, “bỏ nón”; con Tuyết “lụi chân” và “khặc khặc cười”. Hình tượng “con Tuyết” cụ thể tên, cụ thể dáng vẻ, động tác, tình cảm chẳng phải đã vượt lên trên tính ước lệ, điển phạm của văn chương cổ điển để phản ánh hiện thực

cuộc sống như nó vốn tồn tại đó sao? Đúng như tác giả Lã Nhâm Thìn đã nhận xét: “Mặc dù còn giới hạn bởi công thức “ngư tiêu canh mục” nhưng những cảnh và người trong chùm thơ *Tứ thú* không phải là cảnh trong tranh, in sẵn hàng trăm bản giống nhau. Đó là cảnh và người trong cuộc sống, trong sinh hoạt xã hội” [3; tr 109].

Khẳng định xu hướng dân tộc hóa thể loại của thơ *Tứ thú* trong HĐQÂTT còn phải nói đến *chức năng mở hướng* của Đường luật Nôm: Ấy là *dùng Đường luật để trào phúng*. Trong tiến trình TNĐL, có nhà nghiên cứu nhận xét: “Ở thời Trần, Nguyễn Sĩ Cổ có làm thơ hài hước, nhưng hiện nay thơ quốc âm của ông không còn. Riêng trong *Quốc âm thi tập*, Nguyễn Trãi chỉ mới có đôi nét trào phúng thoang thoảng mà thôi” [2; tr 26]. Đến HĐQÂTT đã có cả một loạt bài thơ trào lộng rải rác trong các mục của tập thơ, nhất là ở các cụm bài xướng họa. Tuy nhiên, đối sánh với nghệ thuật trào phúng trong văn học truyền thống, nghệ thuật trào lộng trong HĐQÂTT mang một đặc điểm riêng: ấy là tiếng cười chưa phải với tư cách là tiếng nói phê phán, tố cáo xã hội mà phần nhiều là tiếng cười lạc quan của tinh thần Việt Nam, mang tính chất giải trí, tạo một không khí gần gũi chân tình giữa vua tôi, giảm cái không khí cách bức, khuôn sáo của tập thơ. Chẳng hạn:

Họa bài *Người hái củi*:

Nửa bó yên hà mang đùng đĩnh,  
Đồi bên phong nguyệt quảy khom khom  
*Người đi cày*:  
Đồi Vũ tắm mưa tai nhấp nhấp,  
Nội Châu cuốc nguyệt cật khom khom

...

Nguyên tắc đặc thù của bút pháp trào lộng là tạo mâu thuẫn giữa hiện tượng và bản chất, giữa cái biểu đạt và cái được biểu đạt để gây cười. Vì thế, hình ảnh của *Tứ thú*, qua nghệ thuật trào lộng bỗng trở thành những “hiên nhân quân tử”:

Dong thuyền đợi tiên Tô Tử,  
Nêm chèo ca khúc Sở Từ.  
Nọ nọ Bàn Khê công nghiệp cả,  
Xuân thu lần kể tám mươi dư.

(*Vịnh người đánh cá*. Bài 59)

Thành “tướng quốc công hầu”:  
Diệt, vất, tay cầm quyền tướng sủy,  
Thừa lư thóc chứa lộc công khanh.

(*Vịnh người đi cày*. Bài 61)

Dùng lối nói ngoa dụ, phóng đại để đối lập cái *chân* và *giả*, *hài* và *bi* của hình tượng cũng là nghệ thuật trào lộng được dùng phổ biến trong thơ ca dân gian, vừa hợp với tư duy trực cảm của người Việt, vừa bớt đi cái vẻ bác học, điển nhã của thể Đường luật. Đúng như nhận xét: “Trong HĐQATT đã hình thành một hệ thống thơ trào phúng, có chỗ tiếp cận với thơ ca trào phúng dân gian” [2; tr 26].

### 3. KẾT LUẬN

Trong dòng thơ Nôm Đường luật thời trung đại, bên cạnh lối thơ đề vịnh, HĐQATT là tập thơ duy nhất còn xuất hiện hình thức thơ xướng họa trên tinh thần “vua xướng thần tùy” của thi đàn Hồng Đức. Vẫn nằm trong khuôn khổ của văn chương nhà nho nhưng thơ xướng họa trong HĐQATT nói chung và chùm thơ *Tứ thú* nói riêng đã thể hiện khá rõ xu hướng dân tộc hóa thể loại, gió phần làm thay đổi cảm quan thẩm mỹ thơ luật Đường theo tinh thần của văn hóa Việt.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] L.I. Lixêvich (2002), *Tư tưởng văn học Trung Quốc trong buổi giao thời giữa cổ xưa và trung cổ*, Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội.
- [2] Phạm Trọng Điềm - Bùi Văn Nguyên (1982), *Hồng Đức quốc âm thi tập*, Nxb. Văn học, Hà Nội.
- [3] Lã Nhâm Thìn (1998), *Thơ Nôm Đường luật*, Nxb. Giáo Dục, Hà Nội.

## ***TU THU POETRY IN HONG DUC NOTIONAL LANGUAGE POEM COLLECTION***

**Tran Quang Dung**

### ABSTRACT

*Along with poetry reciter, there is another kind of poetry in Hong Duc National Language Poem Collection called responsive poetry. Not only does responsive poetry move in the “concentric” direction with scholarly literature but it also moves in the “centrifugal” direction following aesthetic sense of Vietnamese culture, in which there are poems called “Tu thu” poetry.*

**Key words:** “*Tu thu*” poetry, Hong Duc National Language Poem Collection